

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2022
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Ông Tô Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Ph, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Ph, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ như sau:

Bà và ông Đ1 có quen biết, tìm hiểu nhau được hơn một năm thì quyết định sống chung như vợ chồng với nhau vào năm 1989, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng bà sống hạnh phúc chỉ được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai người không hợp, ông Đ1 thường xuyên ghen tuông vô cớ và chửi bà rất nhiều lần, thậm chí ông Đ1 còn có hành vi bạo lực đánh bà rất nhiều lần, ông Đ1 không tôn trọng bà và còn chửi mẹ và anh em ruột của bà. Trong thời gian dài sống chung, bà đã rất nhẫn nhịn ông Đ1 để gia đình êm ấm và bà cùng các con đã nhiều lần khuyên can ông Đ1 sửa đổi tính tình để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hơn nhưng ông Đ1 không sửa mà tính tình càng ngày càng thô lỗ nên bà không thể chịu đựng được nữa nên bà đã bỏ nhà đi sống với con gái ở Rạch Giá từ khoảng tháng 7/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà đã suy nghĩ rất kỹ không thể tiếp tục sống chung với ông Đ1 nữa nên bà quyết định ly hôn với ông Đ1. Bà và ông Đ1

có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Đ2, sinh ngày 11/3/1990 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/2/1996, hiện nay hai con đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi có cuộc sống riêng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1. Về con chung tên Nguyễn Ngọc Đ2 và Nguyễn Văn K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ tên Nguyễn Thị Đ về năm sống chung, về con chung, tài sản chung, về nợ chung. Tuy nhiên, ông Đ1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không còn hợp nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà Đ. Về con chung tên Nguyễn Ngọc Đ2 và Nguyễn Văn K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn Đ1 là bị đơn trong vụ án nhưng ông Đ1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, xét việc vắng mặt ông Đ1 không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng do hai người không hợp, ông Đ1 thường xuyên ghen tuông vô cớ và chửi bà rất nhiều lần, thậm chí ông Đ1 còn có hành vi bạo lực đánh bà rất nhiều lần, ông Đ1 không tôn trọng bà mà còn chửi mẹ và anh em ruột của bà. Bà đã rất nhẫn nhịn ông Đ1 để gia đình êm ấm, bà cùng các con đã nhiều lần khuyên can ông Đ1 sửa đổi tính tình để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hơn nhưng ông Đ1 không sửa mà tính tình càng ngày càng thô lỗ nên bà không thể chịu đựng được nữa; do đó, bà đã bỏ nhà đi sống với con gái ở Rạch Giá từ khoảng tháng 7/2022 đến nay. Bà xét thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Đ1 nữa nên bà Đ

khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ1. Tại bản tự khai của ông Đ1 cũng đồng ý ly hôn với bà Đ. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của bà mà cần áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: bà Đ, ông Đ1 đều xác nhận có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Đ2, sinh ngày 11/3/1990 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/2/1996 đã trưởng thành trên 18 tuổi anh bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ, ông Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng bà Đ phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001702 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Đ đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 29/12/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh